

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - LAI CHÂU

Khoảng 16 giờ 00 phút, ngày 15/04/2025, Sùng Hu T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX không gắn biển kiểm soát (xe của con trai là Sùng

Nhù Cà) một mình đi xuống nhà chị gái là Sùng Nhù X, trú tại bản Là Ú Cò, xã K, huyện M, tỉnh Lai Châu (nay là bản Là Ú Cò, xã T, tỉnh Lai Châu) và ngủ lại qua đêm. Đến khoảng 09 giờ 00 phút, ngày 16/4/2025, T điều khiển xe máy đến khu dân cư N, bản P, xã M để tìm mua Heroine sử dụng. Tại đầu cầu P, T gặp một người đàn ông dân tộc L (khoảng 25 tuổi, không rõ nhân thân, lai lịch) và mua 05 gói Heroine đều được gói bằng mảnh nilon màu xanh với giá 1.100.000 đồng. Trong đó, 03 gói được gói chung bằng mảnh nilon màu trắng, T cất giấu vào tất màu đen đang đeo ở chân phải; 02 gói còn lại được để riêng, mỗi gói cất lần lượt vào túi quần bên phải và túi quần bên trái. Sau đó, T điều khiển xe máy đi về. Đến hồi 11 giờ 00 phút cùng ngày, khi T đi về đến khu vực bản Là Ú Cò, xã K, huyện M, tỉnh Lai Châu (nay là bản Là Ú Cò, xã T, tỉnh Lai Châu), T bị Tổ công tác Công an xã K, Công an xã T và phòng cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy (PC04) Công an tỉnh L phát hiện, bắt quả tang thu giữ toàn bộ số Heroine mà T đang cất giấu trên người.

Tại Bản kết luận giám định số: 303/KL-KTHS, ngày 19/04/2025 của Phòng K Công an tỉnh L kết luận:

- Số chất bột, màu trắng thu giữ của Sùng H1 Tư có tổng khối lượng là 4,23 gam (bốn phẩy hai mươi ba gam);

- 05 (năm) mẫu chất bột, màu trắng (ký hiệu M1 đến M5) gửi giám định là ma túy, loại: Heroine (H2), có tên khoa học là D2, được quy định tại Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) và Nghị định số 57/2022/NĐ - CP ngày 25/8/2022 của Chính phủ quy định các danh mục chất ma túy và tiền chất.

Vật chứng đã được xử lý: Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX, màu sơn xanh - đen, không gắn biển kiểm soát; số khung: RLHJA3857PY218757; số máy: JA52E-0564112 (xe đã qua sử dụng) của chủ sở hữu anh Sùng Nhù C, sinh năm 2002, trú tại bản Ló Mé L, xã T, huyện M, tỉnh Lai Châu (nay là bản Ló Mé L, xã P, tỉnh Lai Châu). Việc Sùng Hu T sử dụng chiếc xe máy này làm phương tiện đi mua ma túy, anh C không biết và không liên quan, Ngày 12/6/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh L đã ra quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại chiếc xe cho anh S Nhù Cà là đúng quy định của pháp luật.

Vật chứng còn lại của vụ án là: 3,72 gam Heroine còn lại; 01 mảnh nilon màu trắng, 05 mảnh nilon màu xanh (mảnh nilon dùng để gói Heroine). Hiện các vật chứng nêu trên đang được bảo quản theo quy định của pháp luật.

Tại bản Cáo trạng số: 17/CT-VKSKV4, ngày 31 tháng 7 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Lai Châu đã truy tố bị cáo Sùng Hu T về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về Bản kết luận điều tra số 210A/KLĐT-CSMT, ngày 14/7/2025 của Cơ quan CSĐT Công an tỉnh L và bản Cáo trạng nêu trên.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Lai Châu giữ nguyên quan điểm truy tố của mình đồng thời phân tích, đánh giá toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Sùng

Hu T phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Về hình phạt: Đề nghị áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Sùng Hu T từ 04 (bốn) năm đến 05 (năm) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ ngày 16/4/2025. Áp dụng khoản 5 Điều 249 Bộ luật hình sự: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Về vật chứng: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự và điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự. Đề nghị tịch thu tiêu hủy: 3,72 gam còn lại sau khi trích gửi giám định, 05 mảnh nilon màu xanh và 01 mảnh nilon màu trắng (dùng để gói Heroine) được đựng trong một phong bì do Công an huyện M lưu hành. Về án phí: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Sùng Hu T theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa đều nhất trí với nội dung, quyết định truy tố. Không có ý kiến tranh luận về tội danh, điều luật, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ cũng như xử lý vật chứng, các biện pháp tư pháp mà Kiểm sát viên đã đề nghị. Tuy nhiên người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hoàn cảnh gia đình, nhận thức pháp luật của bị cáo để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng, không có ý kiến tranh luận đối với quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Lai Châu và nhất trí với bản luận cứ bào chữa.

Tại lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định của Cơ quan điều tra Công an tỉnh L, Điều tra viên. Cơ quan Viện kiểm sát khu vực 4 - Lai Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tranh tụng tại phiên tòa bị cáo, người bào chữa không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Hội đồng xét xử xét thấy hồ sơ đã có đầy đủ lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và lời khai không mâu thuẫn với bị cáo, nên việc vắng mặt của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không ảnh hưởng đến việc giải quyết nội dung vụ án. Căn cứ vào Điều 292, Điểm d khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[3] Về tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội:

Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với nội dung vụ án, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thu thập hợp pháp. Như vậy, có đủ cơ sở xác định: Vào hồi 11 giờ 00 phút, ngày 16/4/2025, tại bản Là Ú Cò, xã K, huyện M, tỉnh Lai Châu (nay là bản Là Ú Cò, xã T, tỉnh Lai Châu), Bị cáo Sùng Hu T đang có hành vi tàng trữ trái phép 05 gói Heroine, có tổng khối lượng 4,23 gam với mục đích để sử dụng thì bị Tổ công tác Công an xã K, Công an xã T và Phòng Cảnh sát điều tra ma túy (PC04) Công an tỉnh L phát hiện và bắt quả tang. . Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự nên hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, quan điểm đề nghị về tội danh, mức hình phạt đối với bị cáo của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là hoàn toàn có cơ sở, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo nhận thức được việc tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi đó là nguy hiểm cho xã hội, có tính chất nghiêm trọng, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý các chất ma túy của Nhà nước, gây mất trật tự trị an trên địa bàn nên cần được xử lý nghiêm minh.

[4] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Về nhân thân: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Khi bị phát hiện bắt quả tang có xét nghiệm chất ma túy thì bị cáo có sử dụng chất ma túy (dương tính).

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, hiểu biết pháp luật còn hạn chế. Do vậy, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Không có.

Trên cơ sở tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Xét thấy cần thiết phải có mức hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để răn đe, giáo dục, cải tạo bị cáo thành công dân có ích cho xã hội.

Chấp nhận ý kiến của người bào chữa về tội danh, điều khoản áp dụng, hình phạt bổ sung, án phí hình sự sơ thẩm đối với bị cáo Sùng Hu T. Đối với yêu cầu của người bào chữa đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ được áp dụng đối với bị cáo, cần có mức án tương xứng đủ để răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung. Tuy nhiên, theo các tài liệu chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo là nghề nghiệp trồng trọt, thu nhập không ổn định. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về vật chứng của vụ án:

Đối với 3,72 gam còn lại sau khi trích gửi giám định, 05 mảnh nilon màu xanh và 01 mảnh nilon màu trắng (dùng để gói Heroine) được đựng trong một phong bì do Công an huyện M lưu hành, là những vật cấm tàng trữ, lưu hành, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu để tiêu hủy.

[7] Những vấn đề liên quan:

Đối với người đàn ông đã bán Heroine cho bị cáo T: Do bị cáo không biết nhân thân, lai lịch của người này, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh L không có căn cứ để điều tra làm rõ xử lý theo quy định pháp luật;

Đối với anh Sùng N Cà là chủ sở hữu hợp pháp của chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX, màu sơn xanh - đen, không gắn biển kiểm soát: Quá trình điều tra xác minh anh C không biết việc bị cáo Sùng Hu T sử dụng xe để đi mua ma túy, không tham gia, không giúp sức cho hành vi phạm tội của T. Do đó, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với anh C là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[8] Về án phí: Bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; thuộc diện hộ nghèo nên căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

[9] Về biện pháp ngăn chặn: Căn cứ Điều 329 của Bộ luật Tố tụng hình sự tiếp tục áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam đối với bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 4 Luật số 86/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội, Luật sửa đổi bổ sung một số Điều của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ vào điểm c khoản 1, khoản 5 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106; Điều 135, khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ khoản 1 Điều 6, khoản 1, khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Sùng Hu T phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Sùng Hu T 04 (bốn) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ ngày 16/4/2025.

Không áp dụng hình phạt bổ sung cho bị cáo.

3. Về vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 3,72 gam còn lại sau khi trích gửi giám định, 05 mảnh nilon màu xanh và 01 mảnh nilon màu trắng (dùng để gói Heroine) được đựng trong một phong bì do Công an huyện M lưu hành.

(*Tình trạng, đặc điểm vật chứng theo như biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 08 tháng 08 năm 2025 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh L và Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 - Lai Châu*).

4. Về án phí: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án lên Tòa án nhân dân cấp trên. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình lên Tòa án nhân dân cấp trên trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu;
 - VKSND tỉnh Lai Châu;
 - THADS tỉnh Lai Châu;
 - VKSND khu vực 4 - Lai Châu;
 - Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an tỉnh Lai Châu
- PV 06;
- Phòng THADS khu vực 4 - Lai Châu;
 - Cơ quan CSĐT Công xã Bum Tờ;
 - Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Lai Châu;
 - CQTHAHS Công an tỉnh Lai Châu;
 - Trại tạm giam Công an tỉnh Lai Châu;
 - Bị cáo;
 - Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
 - Người bào chữa;
 - Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đồng Văn Dũng

